

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 11-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Phương Lâm.

Bà Đàm Thị Bích Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 686/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Bé Văn C - Sinh ngày 08/8/1993 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKKHKT: Xóm B, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phương Văn L - (đã bỏ đi từ khi C còn nhỏ); Con bà: Bé Thị Đ - Sinh năm 1953; Vợ là : Đặng Thị T - Sinh năm: 1990; Có 01 con - sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Bé Văn C bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2018, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người bào chữa: Bà A - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng - Bào chữa cho bị Bé Văn C theo quy định của pháp luật. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lý Tồn P - Sinh năm 1984. Vắng mặt
2. Ông Lý Đào K - Sinh năm 1977. Có mặt.
Đều trú tại: Xóm L2, xã T2, huyện H, tỉnh Cao Bằng.
3. Ông Lăng Văn C1 - Sinh năm 1957. Có mặt
4. Ông Hoàng Văn B - Sinh năm 1960. Có mặt
5. Bà Hoàng Thị D - Sinh năm 1961. Có mặt
6. Bà Lý Thị T - Sinh năm 1956. Vắng mặt
7. Bà Lục Thị Đ - Sinh năm 1958 Có mặt.
Đều trú tại: Xóm N, xã T3, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017 Bế Văn C - sinh ngày 08/8/1993 (Trú tại: Xóm B, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) có quen một người đàn ông tên là Vây, không biết họ, nhà ở Sản Hồ, Nà Po, Trung Quốc. Khoảng tháng 3/2018 C đi làm thuê cho Vây, công việc là vun gốc chuối, chặt chuối, tiền công 7.000.000đ/01 tháng, quá trình làm thuê cho Vây, C thường xuyên đi về Việt Nam mỗi khi gia đình có việc. Khoảng tháng 5/2018, Vây nói chuyện với C: “có nhu cầu tìm người Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê, tiền công là 7.000.000đ/người/ tháng, công việc là vun gốc chuối và chặt chuối, nếu C tìm được người và sang cùng làm, thì sẽ được trả mức cao hơn là 9.000.000đ/ tháng”. C đồng ý, đến khoảng giữa tháng 5/2018, C đi chợ xã T3, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì gặp Hoàng Văn B - trú tại: Xóm N, xã T3, huyện H (B và C đã quen nhau từ trước), qua nói chuyện, C nói: “có việc làm ở bên Trung Quốc, công việc là vun gốc chuối và chặt chuối, tiền công 7.000.000đ/ tháng”. Sau đó về nhà B (ở xóm N, xã T3, huyện H) ăn cơm, thì có vợ chồng Lý Tồn P (trú tại: Xóm L2, xã T2, huyện H) và vợ chồng Lăng Văn C1 (trú tại: N, T3, H) đến chơi. Tại nhà B, C nói: “có việc làm ở bên Trung Quốc, công việc là chặt chuối, vun gốc chuối, tiền lương 7.000.000 đồng/01 tháng”. C rủ B, P đi làm thuê, cả hai cùng đồng ý. Mấy hôm sau, C sang Trung Quốc gặp Vây và nói: “đã tìm được 02 người”, Vây hẹn đến phiên chợ NC sau thì đưa người sang, sẽ đón ở biên giới. C về nhà, điện thoại cho B hẹn ngày đi và bảo B thông báo cho P.

Theo hẹn, ngày 20/5/2018, C đi xe máy xuống đón B và P đến biên giới, thuộc địa phận xã C2, huyện T, tỉnh Cao Bằng gửi xe máy và đưa B, P đi bộ vượt biên trái phép sang Trung Quốc, đến nơi đã thấy Vây đi ô tô đợi sẵn ở đấy.

Vây đưa C, B, P về nhà Vây - ở Sản Hồ, Nà Po, Trung Quốc, ngủ tại đó một đêm. Sáng hôm sau, Vây đưa B, P đến nơi làm việc, làm được khoảng 2 ngày, thì B kêu đau bụng, nên Vây đã đưa B và C về Việt Nam, còn P vẫn ở lại. Về đến nhà, B nói với C "chờ B khỏi thì đi cùng". Khoảng 4 ngày sau, C điện thoại thì B nói đã khỏi bệnh và bảo là có mấy người nữa đi cùng, sau đó C đến gặp Vây và nói là: "có mấy người nữa đi làm cùng", Vây đồng ý và đưa cho C 500.000 đồng tiền chi phí đi lại và hẹn ngày 27/5/2018 sẽ đón tại biên giới Trung Quốc.

Đến ngày 26/5/2018 C xuống nhà B, ngủ lại một đêm, sáng hôm sau có Lăng Văn C1 cùng vợ là Lý Thị T, Hoàng Thị D, Lục Thị Đ (đều trú tại: Xóm N, xã T3, huyện H); Lý Đào K (trú tại: xóm L, xã T2, huyện H) đến nhà B và có hỏi C về công việc bên Trung Quốc thì C trả lời là "chặt chuối và vun gốc chuối tiền công 7.000.000 đồng/01 người/01 tháng", mọi người đồng ý đi, khoảng 16 giờ chiều, tập trung ở đầu cầu treo xóm N, xã T3, huyện H. Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày, C đón xe khách đi tuyến Bảo Lạc, đưa B, C1, D, Đ, K, đi theo đường T3 -T, đến xã C2, huyện T thì xuống, C trả tiền xe khách 250.000 đồng, và đưa nhóm người trên, đi bộ vượt biên trái phép sang Trung Quốc, đến bên kia biên giới đã thấy Vây đi ô tô đợi sẵn ở đấy, Vây đưa C, cùng nhóm người trên đến nhà Vây và ngủ tại đó, sáng hôm sau, Vây đưa mọi người đến nơi làm việc, với công việc là vun gốc chuối và chặt chuối. Làm được khoảng một tuần thì B, D, Đ không làm nữa, nên C đến đón những người trên về Việt Nam, còn K, P, C1 làm đến ngày 28/6/2018 cũng được Vây đưa về Việt Nam và cho 200.000 đồng tiền xe khách. Ngày 14/9/2018, C bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng bắt giữ.

Trước khi đi, C thu chứng minh thư của mọi người, nói là để làm giấy thông hành, tuy nhiên khi đưa nhóm người trên sang Trung Quốc, C không làm thủ tục xuất cảnh. Trong quá trình làm ở bên Trung Quốc, C đã tạm ứng tiền với Vây số tiền là 12.000.000đ. Khoảng cuối tháng 6/2018, Vây đưa cho C 6.000.000đ và nói là tiền công của P, sau đó C mang về đưa cho vợ của P. Còn đối với K, C1, D, Đ chưa được trả tiền công.

Ngày 03/10/2018 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét nhà ở của Bé Văn C - tại xóm B, xã L, huyện T thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu WIN LONCIN, BKS 11F4-xxxx đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe máy BKS 11F4-xxxx mang tên Nông Thị D1 trú tại: Khu 2, thị trấn T3, huyện B; 01 giấy thông hành nhập, xuất cảnh mang tên Bé Văn C, cấp ngày 06/6/2018; 03 giấy Chứng minh thư nhân dân mang tên Lý Tồn P, Lý Đào K, Lăng Văn C2.

Hành vi của Bé Văn C đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKSCB(P1) ngày 29/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố: Bé Văn C về tội: “Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trong bản cáo trạng là đúng, không oan. bị cáo không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Những người làm chứng đều khai: Khi nghe Bé Văn C nói: “Có việc làm ở bên Trung Quốc, công việc là chặt chuối, vun gốc chuối, tiền lương 7.000.000 đồng/01 tháng. Nhân lúc nông nhàn, chúng tôi đã nhất trí đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. Khi đến nơi làm việc, làm được khoảng 09 ngày, thấy công việc vất vả, nên một số người đã bỏ về Việt Nam. Do làm được ít ngày, nên họ không trả tiền công”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bé Văn C về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù.

Người bào chữa A trình bày lời bào chữa cho bị cáo Bé Văn C: Về cơ bản nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, trình độ văn hoá thấp, sống ở vùng sâu vùng xa. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã có thời gian sang Trung Quốc làm thuê, kiếm thêm thu nhập. Khi được đối tượng người Trung Quốc tên Vây đặt vấn đề tìm người làm thuê và hứa trả tiền công, vì háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo “Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt là 04 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Bé Văn C nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Bế Văn C và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với kết quả điều tra và các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Xét thấy hành vi của bị cáo tổ chức đưa 06 người vượt biên sang Trung Quốc làm thuê, không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhận tiền công với đối tượng người Trung Quốc. Hành vi đó đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đưa người đi sang Trung Quốc lao động làm thuê mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi trước mắt, không lường trước hậu quả, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới lao động làm thuê, không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, dẫn đến quyền lợi của người lao động không được bảo vệ, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác, như buôn bán người, tội phạm về ma túy, cưỡng đoạt, cưỡng bức lao động,... và nhiều vấn đề an ninh trật tự phức

tạp. Do vậy việc đưa bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, Về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo, xuất phát từ việc tư lợi cá nhân, chưa có động cơ, mục đích nào khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy quan điểm của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận. Không chấp nhận quan điểm của người bào chữa về việc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, số IMEI I: 864715016127xxx, kèm theo 01 (một) sim Viettel.

- 01(một) chiếc xe máy đã qua sử dụng, loại xe: WIN; nhãn hiệu xe WELL. Máy: LONCIN; Biển số 11F4-xxxx; dung tích 97cm³; Màu sơn: Đen.

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 0007650 mang tên Nông Thị D1, nơi ĐKHKTT: Khu 2, thị trấn T3, huyện B, tỉnh Cao Bằng, nhãn hiệu xe WELL dung tích 97cm³; Loại xe: Nam; Màu sơn: Đen; Biển số: 11F4-xxxx, cấp ngày 11/11/2002.

Những vật chứng trên, bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc và phương tiện thực hiện tội phạm. Cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho bị cáo 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080415xxx, mang tên Bé Văn C.

- Tiêu hủy 01(một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số H 0220xxx mang tên Bé Văn C, sinh ngày 08/08/1993 cấp ngày 06/06/2018.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Bé Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bé Văn C phạm tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bé Văn C 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

* Xử tịch phát mại sung vào ngân sách Nhà nước số vật chứng gồm:

- 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864715016127xxx, kèm theo 01 (một) sim Viettel.

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 0007xxx mang tên Nông Thị D1, nơi ĐKKHKT: Khu 2, thị trấn T3, huyện B, tỉnh Cao Bằng, nhãn hiệu xe WELL dung tích 97cm³; Loại xe: Nam; Màu sơn: Đen; Biển số: 11F4-xxxx, cấp ngày 11/11/2002.

- 01 (một) chiếc xe máy đã qua sử dụng, loại xe: WIN; nhãn hiệu xe WELL. Máy: LONCIN; Biển số 11F4-xxxx; dung tích 97cm³; Màu sơn: Đen.

* Hoàn trả lại cho bị cáo 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080415xxx, mang tên Bế Văn C.

* Tịch thu tiêu hủy 01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số H 0220xxx mang tên Bế Văn C, sinh ngày 08/08/1993 cấp ngày 06/06/2018.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 05 ngày 26/10/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bế Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Trại giam CA tỉnh CB;
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương